

Số: 374 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 10 năm 2017.



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 332/BC-STC ngày 10/10/2017 về việc thẩm định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang.

(có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Giám đốc Kho bạc nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✍

- Liên Minh HTX Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên NLN, TC;
- Lưu VT (Hòa 25)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Kim Dung

Lê Thị Kim Dung

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 31 /10/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)



CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có tên giao dịch tiếng Anh là Tuyên Quang Co-operative Assistance Fund, tên viết tắt là TQCAF.

4. Trụ sở của Quỹ đặt tại trụ sở Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Địa chỉ: số 213, tổ 17, đường Bình Thuận, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Mục đích hoạt động

Hoạt động của Quỹ nhằm mục đích hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hỗ trợ các hoạt động đổi mới phát triển sản phẩm; đổi mới phát triển công nghệ, kỹ thuật; phát triển thị trường, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới, các mô hình hợp tác xã điển hình tiên tiến.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn và bù đắp chi phí quản lý, hoạt động.

2. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo mục đích hoạt động, quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.

CHƯƠNG II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách nhà nước giao.

2. Huy động vốn đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ cho các hoạt động và thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Thực hiện cho vay đầu tư; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư, phương án kinh doanh khả thi.

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quyền hạn của Quỹ

1. Được huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

2. Được quyền lựa chọn các dự án, phương án để quyết định việc hỗ trợ; uỷ thác hỗ trợ.

3. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ.

4. Được yêu cầu các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án, phương án đang được Quỹ xem xét hoặc đã được Quỹ hỗ trợ cung cấp các thông tin có liên quan về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng...

5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn vay, hỗ trợ, cũng như những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Quỹ cho vay, hỗ trợ.

6. Đình chỉ việc cho vay, hỗ trợ hoặc thu hồi vốn trước hạn, phát mại tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm các cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

7. Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, nguồn tài chính, nhân lực của Quỹ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, nếu những yêu cầu đó trái với quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

8. Quan hệ trực tiếp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ;

9. Tổ chức nghiên cứu, học tập, khảo sát các mô hình phát triển hợp tác xã tiên tiến trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 10 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp, trong đó năm 2017 cấp 03 tỷ đồng kể từ khi Quỹ đi vào hoạt động và được xem xét, cấp bổ sung căn cứ vào khả năng ngân sách và hiệu quả sử dụng vốn điều lệ của Quỹ.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, trên cơ sở căn cứ vào khả năng ngân sách và hiệu quả sử dụng vốn điều lệ của Quỹ, theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Giám đốc Sở Tài chính.

Điều 7. Vốn huy động từ các nguồn khác

1. Các khoản do các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đóng góp tự nguyện.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện, viện trợ, tài trợ, uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Vốn tự bổ sung từ kết quả hoạt động (thu lớn hơn chi) của Quỹ.

5. Các khoản vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các hoạt động của Quỹ

1. Huy động và tiếp nhận nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ này để tạo nguồn vốn hỗ trợ phát triển các hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.

2. Hỗ trợ hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua các phương thức:

2.1. Cho vay đầu tư.

2.2. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc.

2.3. Nhận uỷ thác, uỷ thác cho vay.

2.4. Bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

3. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ phát triển hợp tác xã.

Điều 9. Cho vay đầu tư

1. Đối tượng được cho vay đầu tư là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh; hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ Quỹ.

Căn cứ khả năng nguồn vốn của Quỹ, nhu cầu vay vốn, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét có thể quy định danh mục ưu tiên cho vay trong từng thời kỳ (theo đề nghị của Giám đốc Quỹ).

2. Điều kiện vay vốn, hồ sơ, thủ tục, quy trình vay vốn, thu hồi vốn vay, cho vay lại, gia hạn nợ, chuyển và xử lý nợ quá hạn thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Chủ đầu tư có đủ các điều kiện sau đây được xem xét vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã:

2.1. Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 của điều này.

2.2. Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước.

2.3. Có phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả, có khả năng tài chính đảm bảo trả được nợ gốc và lãi trong thời hạn cam kết ghi tại hồ sơ đề nghị vay vốn.

2.4. Trường hợp đáo hạn hoặc vay tiếp lần sau phải có chứng minh về phương án kinh doanh khả thi, đã hoàn trả vốn và lãi đúng hạn trong các lần vay trước.

2.5. Có vốn chủ sở hữu đối ứng, có cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư.

2.6. Có tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, tài sản thuộc sở hữu cá nhân của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc hoặc tài sản của bên thứ ba cam kết bảo lãnh cho khoản vay của hợp tác xã, làm tài sản đảm bảo tiền vay. Giá trị tối đa khoản tiền vay bằng 70 % giá trị tài sản đảm bảo.

2.7. Có hồ sơ vay vốn được Quỹ thẩm định và chấp nhận.

3. Mức vốn cho vay: Các dự án được vay vốn phải có tổng mức đầu tư trên 100 triệu đồng, mức vốn cho vay được xác định đối với từng dự án cụ thể, nhưng tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư của dự án và không quá 300 triệu đồng/dự án.

4. Mức phán quyết cho vay:

4.1. Từ 200 triệu đồng trở xuống do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định.

4.2. Trên 200 triệu đồng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

5. Lãi suất cho vay vốn

5.1. Lãi suất cho vay vốn của Quỹ bằng 60% lãi suất cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bằng đồng Việt Nam theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ Tài chính về lãi suất cho vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

5.2. Lãi suất cho vay vốn được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và cố định trong suốt thời hạn vay. Việc xác định phương thức trả lãi tiền vay căn cứ vào dự án đầu tư, thời gian quay vòng vốn. Phương thức trả lãi tiền vay dựa trên cơ sở thoả thuận của Quỹ và chủ đầu tư, tối đa 6 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay.

6. Thời hạn cho vay vốn do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với đặc điểm của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 03 năm (không phân biệt thẩm quyền phán quyết cho vay).

7. Bảo đảm tiền vay

7.1. Quỹ quyết định các hình thức đảm bảo tiền vay đối với từng dự án, bao gồm: cầm cố, thế chấp, bảo lãnh của bên thứ ba, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc không có đảm bảo bằng tài sản và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

7.2. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

8. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

8.1. Đối với những dự án gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hoả hoạn, động đất, dịch bệnh...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ (bao gồm xoá nợ gốc và nợ lãi).

8.2. Giám đốc Quỹ quyết định việc gia hạn nợ, thời gian gia hạn nợ không quá 1/3 thời hạn trả nợ ghi trong hợp đồng tín dụng ban đầu (không phân biệt thẩm quyền phán quyết cho vay). Trong thời gian gia hạn, chủ đầu tư vẫn phải trả lãi hàng tháng với mức lãi như quy định trong hợp đồng tín dụng.

8.3. Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

a) Thời hạn khoan nợ tối đa là 03 năm, trong thời hạn khoan nợ, chủ dự án không phải trả lãi phát sinh của số nợ được khoan, nhưng có trách nhiệm hoàn trả số lãi còn nợ Quỹ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, chủ dự án có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc đã được khoan nợ.

b) Hết thời hạn khoan nợ, nếu chủ dự án có điều kiện trả nợ nhưng cố tình không trả nợ thì Quỹ thực hiện quá trình thu nợ theo quy định của pháp luật; nếu chủ dự án thực sự không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý nợ theo quy định.

8.4. Việc xoá nợ lãi, xoá nợ gốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Hình thức này áp dụng đối với chủ đầu tư của dự án không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Điều 10. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc

1. Đối tượng được hỗ trợ có hoàn lại đủ vốn gốc: Là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) là thành viên của Liên minh Hợp tác xã tỉnh có giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định, có trụ sở chính và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; có năng lực sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, giải quyết việc làm cho người lao động, có dự án vay vốn đầu tư khả thi.

2. Điều kiện hỗ trợ, hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ, thu hồi vốn thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng dự án, nhưng bảo đảm mức tối đa không quá 50% tổng mức đầu tư đối với một dự án.

4. Thời hạn hoàn lại khoản hỗ trợ do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định đối với từng dự án, nhưng tối đa không quá 03 năm.

5. Để bù đắp chi phí, Quỹ được thu phí quản lý khi thực hiện hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc cho các phương án xin hỗ trợ của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mức phí quản lý bằng 2%/năm/số vốn hỗ trợ có hoàn lại.

6. Trường hợp phương án được hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh...), dẫn đến không hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn hỗ trợ thì được xem xét, xử lý rủi ro theo các hình thức: khoan nợ, xoá nợ.

6.1. Việc khoan nợ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

a) Thời hạn khoan nợ tối đa là 03 năm, trong thời hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ không phải trả phí quản lý phát sinh, nhưng có trách nhiệm hoàn trả số phí quản lý còn nợ (nếu có). Hết hạn khoan nợ, đơn vị được hỗ trợ có trách nhiệm hoàn trả Quỹ đầy đủ số vốn gốc được khoan nợ.

b) Hết thời hạn khoan nợ, nếu đơn vị được hỗ trợ có điều kiện trả nợ nhưng cố tình không trả nợ thì Quỹ chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật, khởi kiện ra toà án để xử lý nợ theo quy định của pháp luật, nếu đơn vị được hỗ trợ thực sự không còn khả năng trả nợ thì Quỹ xem xét để xử lý xoá nợ theo quy định.

6.2. Việc xoá nợ thực hiện theo quy định tại Điểm 8.4, Khoản 8, Điều 9 của Điều lệ này.

Điều 11. Nhận uỷ thác và uỷ thác

1. Nhận uỷ thác

1.1. Quỹ được nhận uỷ thác cho vay, tài trợ hoạt động đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận uỷ thác.

1.2. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác, mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận trong hợp đồng nhận uỷ thác.

2. Uỷ thác

2.1. Quỹ được quyền uỷ thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện việc cho vay, hỗ trợ theo hợp đồng uỷ thác.

2.2. Phí ủy thác Quỹ trả cho các tổ chức nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

Điều 12. Viện trợ, tài trợ

Quỹ được tiếp nhận quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo tôn chỉ, mục đích, yêu cầu của nhà tài trợ, nhưng không trái với quy định của pháp luật của Việt Nam.

Điều 13. Bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất

1. Bảo lãnh tín dụng là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên bảo lãnh (Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã) cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh (Tổ chức tín dụng) sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh. Bên được bảo lãnh phải nhận nợ và hoàn trả cho Quỹ số tiền đã được Quỹ trả thay.

2. Hỗ trợ lãi suất là việc Quỹ hỗ trợ một phần lãi suất cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vay vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư dự án, sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được toàn bộ nợ vay.

3. Điều kiện bảo lãnh, hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức.

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và bộ máy điều hành nghiệp vụ.

2. Bộ máy quản lý và điều hành nghiệp vụ của Quỹ hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 15. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm 5 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các thành viên là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; 01 Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý là 5 năm.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm và được thay thế, kiện toàn trong những trường hợp sau:

2.1. Có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ Quỹ.

2.2. Không có đủ khả năng đảm nhiệm công việc và theo đề nghị của ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng quản lý đương nhiệm.

2.3. Xin từ nhiệm.

2.4. Khi có quyết định điều động thành viên đó đi nhận công tác khác.

2.5. Khi khuyết thành viên trong Hội đồng quản lý Quỹ vì những lý do khác.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3.1. Xem xét, thông qua phương hướng, kế hoạch hoạt động, huy động vốn, cho vay đầu tư, hỗ trợ, tài trợ; phê duyệt mức chi tiêu cho công tác quản lý Quỹ, kế hoạch tài chính và báo cáo quyết toán của Quỹ.

3.2. Ban hành quy chế quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quy chế cho vay, thu hồi nợ, quy chế thu, chi tài chính của Quỹ.

3.3. Phê duyệt chương trình hoạt động của Ban kiểm soát; xem xét báo cáo kết quả kiểm soát của Ban kiểm soát.

3.4. Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Quỹ và các Quyết định của Hội đồng quản lý.

3.5. Nhận vốn thuộc sở hữu Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Quỹ.

3.6. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, xem xét và quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, quyết định thành lập, giải thể các bộ phận giúp việc của bộ máy điều hành.

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; các thành viên Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

3.7. Trình Giám đốc Sở Tài chính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vốn Điều lệ của Quỹ.

3.8. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3.9. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng theo quy định tại Điều lệ này.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ.

4.1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, các cuộc họp của hội đồng phải có ít nhất 4/5 thành viên của hội đồng tham dự. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, lấy kết quả bên có phiếu của chủ tọa cuộc họp để quyết định, các nội dung cuộc họp đều phải được ghi biên bản và ký tên của các thành viên có mặt dự họp.

Trong trường hợp các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không dự họp, có thể cho ý kiến bằng văn bản về những nội dung liên quan đến cuộc họp.

4.2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ; Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể triệu tập cuộc họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Quỹ.

5. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là người tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý, quản lý tài chính, tài sản được giao và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng quản lý, phân công các thành viên theo dõi thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt hội đồng để ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý. Các thành viên của hội đồng quản lý chỉ được thay mặt hội đồng quản lý nếu có sự uỷ nhiệm của tập thể Hội đồng quản lý hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý, trong đó quy định rõ giới hạn, phạm vi được uỷ nhiệm cho thành viên đó.

3. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc điều hành các hoạt động của Quỹ.

Điều 17. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát Quỹ gồm tối đa là 03 người, Trưởng Ban phải có chuyên môn nghiệp vụ kế toán và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Sở Nội vụ. Các thành viên Ban kiểm soát quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước

2. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

2.1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai độc lập.

2.2. Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát, kiến nghị biện pháp xử lý.

2.3. Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính Quỹ.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban được Trưởng Ban ủy quyền được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 18. Bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ

Bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ gồm: Giám đốc và bộ phận giúp việc hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

1. Giám đốc Quỹ là 01 Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Bộ phận giúp việc gồm: Kế toán, thủ quỹ và cán bộ tín dụng - thẩm định là cán bộ của Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 19. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Sở Nội vụ, nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 5 năm.

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

3.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ, trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ phụ trách các bộ phận trên cơ sở ý kiến của hội đồng quản lý Quỹ. Lựa chọn, đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét để bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng của Quỹ.

3.2. Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật.

3.3. Xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay đầu tư, hỗ trợ, tài trợ; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức thực hiện.

3.4. Ban hành hoặc trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Quỹ theo quy định.

3.5. Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật về quản lý tài sản, tài chính.

3.6. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn, xin hỗ trợ, tài trợ của Quỹ.

3.7. Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

3.8. Tham gia các phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 20. Chế độ đối với những người tham gia bộ máy quản lý và điều hành Quỹ

Những người tham gia bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ được hưởng chế độ kiêm nhiệm theo quy định và hưởng các khoản tiền thưởng, phúc lợi và các chế độ khác do Hội đồng quản lý Quỹ quy định trên cơ sở các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 21. Chế độ tài chính

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 22. Trích lập các Quỹ

Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro; trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi từ thu nhập tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 23. Công tác kế toán, kiểm toán

1. Chế độ kế toán của Quỹ được vận dụng chế độ kế toán của Ngân hàng phát triển Việt Nam để thực hiện hạch toán kế toán.

2. Quỹ tự tổ chức kiểm toán hoạt động của Quỹ hoặc thuê kiểm toán độc lập.

3. Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ do Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHƯƠNG VI

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN, TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 24. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Tạm đình chỉ hoạt động Quỹ

1. Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động 6 (sáu) tháng khi bị vi phạm một trong những quy định sau:

- Hoạt động sai mục đích, không đúng Điều lệ của Quỹ đã được phê duyệt.
- Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, công khai tài chính.
- Tổ chức quản lý và điều hành Quỹ sai quy định của pháp luật.

2. Đối với các vi phạm nêu tại khoản 1 Điều này, ngoài việc bị tạm đình chỉ hoạt động, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm những người quản lý Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được khắc phục vi phạm trong vòng 6 tháng và được phép hoạt động lại. Trường hợp Quỹ không khắc phục được vi phạm thời hạn tạm đình chỉ được kéo dài thêm 6 tháng, quá thời hạn trên, Quỹ không khắc phục được sẽ bị giải thể.

Điều 26. Giải thể Quỹ

1. Quỹ bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- Không hoạt động liên tục 12 tháng kể từ ngày cấp vốn, không có báo cáo về tổ chức hoạt động và tài chính trong hai năm liên tục.
- Giả mạo về thông tin kế toán, không thực hiện chế độ báo cáo theo các quy định hiện hành.

- Quá thời hạn đình chỉ Quỹ không khắc phục được những vi phạm.

2. Trình tự và thủ tục giải thể Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 27. Xử lý tài sản khi Quỹ giải thể

Tài sản của Quỹ sau khi thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể, toàn bộ số tài sản còn lại của Quỹ được nộp vào ngân sách tỉnh, nghiêm cấm phân tán tài sản Quỹ.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Điều lệ này, Hội đồng quản lý Quỹ xây dựng quy chế hoạt động, quản lý tài chính của Quỹ.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.